

Bản án số: 03/2017/HS-ST

Ngày 14-11- 2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH NHAI, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Quản Hữu Chiến

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lừ Văn Hùng, ông Điều Chính Vĩnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lò Thị Thu Hà - Thư ký Toà án nhân dân huyện Quỳnh Nhai, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Nhai, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Ông Điều Luyện Chính - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 11 năm 2017, tại Nhà Văn Hoá xã Mường Giàng, huyện Quỳnh Nhai, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 04 /2017/TLST-HS ngày 12 tháng 10 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2017/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 11 năm 2017 đối với bị cáo:

Cầm Văn S, sinh ngày 24 tháng 5 năm 1992 tại MG, Q, Sơn La: Nơi cư trú Bản GL, xã MG, huyện Q, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp Trồng trọt; trình độ văn hóa 12/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Cầm Văn H và bà Là Thị L; có vợ Là Thị Ch và 02 con; tiền án không, tiền sự: không; bị bắt, tạm giam ngày 25/7/2017 đến nay, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22 giờ 15 phút, ngày 24/7/2017, tại cửa hàng tạp hoá của anh Nguyễn Minh H trú tại bản C, xã MG huyện Q, tỉnh Sơn La; Công an huyện Quỳnh Nhai kiểm tra đối với Cầm Văn S - S tự giác lấy từ trong túi quần bên phải đang mặc 01 lọ nhựa đựng 07 gói giấy màu trắng chứa chất dạng cục bột màu trắng giao nộp cho tổ công tác và khai nhận chất cục bột màu trắng trong 07 gói giấy là Heroine mang theo để bán. Tổ công tác đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, thu giữ vật chứng S giao nộp và tạm giữ của S 1.200.000 VNĐ; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu itel đã qua sử dụng.

Ngày 25/7/2017, Công an huyện Quỳnh Nhai đã tiến hành mở niêm phong cân tịnh chất cục bột màu trắng thu giữ của S có trọng lượng là 0,25 gam, lấy 0,25 gam làm mẫu gửi giám định ký hiệu S1, S2, S3, S4, S5, S6, S7 và lấy 1.200.000đ thu giữ của S gửi giám định.

Tại Kết luận giám định số 768/KLMT ngày 28/7/2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La đã kết luận: *“Mẫu gửi giám định ký hiệu S1, S2, S3, S4, S5, S6, S7 là chất ma túy; Loại chất Heroine; Tổng trọng lượng chất thu giữ được của S là 0,25 gam”*.

Tại kết luận giám định số 461/KLGD ngày 26/7/2017 của phòng KTHS Công an tỉnh Sơn La đã kết luận: Toàn bộ số tiền 1.200.000 đồng là tiền thật. Hoàn lại toàn bộ số tiền gửi giám định.

Tại phiên tòa bị cáo Chăm Văn S khai nhận: sáng ngày 24/7/2017, S đi xe khách từ Hà Nội lên Sơn La, đến bến xe khách Sơn La - S tiếp tục đi xe khách theo Quốc lộ 6 lên huyện TC, tỉnh Sơn La để tìm mua ma túy về sử dụng và bán kiếm lời. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày, S xuống xe tại khu vực xã T, huyện TC thì gặp và mua của một người phụ nữ không quen biết 01 gói Heroine giá 500.000 đồng; S cầm gói Heroine ở tay phải đón xe đi ngược lại ngã ba T và đi xe khách về nhà ở bản GL, xã MG, huyện Q. Về đến nhà không thấy ai ở nhà, S lấy một phần Heroine mua được hít trực tiếp vào cơ thể phần còn lại chia thành 07 gói rồi bỏ vào trong một chiếc lọ nhựa có nắp đậy màu hồng và cất vào trong túi quần đang mặc, đến 22 giờ cùng ngày, S mang theo lọ nhựa đựng 7 gói Heroine đi ra bản C với mục đích có ai mua thì bán, đến quán nhà anh Nguyễn Minh H, đang mua thuốc lá thì bị Công an kiểm tra, S đã tự giác giao nộp toàn bộ Heroine.

Cơ quan điều tra tiến hành xác minh về người phụ nữ bán Heroine cho S (theo lời khai của bị cáo) không biết tên, địa chỉ, không xác định được danh tính, do vậy không có căn cứ để điều tra, xử lý.

Bản cáo trạng số: 38/KSĐT-MT ngày 11 tháng 10 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Nhai truy tố bị cáo Chăm Văn S về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát huyện Quỳnh Nhai phát biểu luận tội giữ nguyên quyết định truy tố đối với Chăm Văn S về tội mua bán trái phép chất ma túy và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 194, điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo từ 24 (hai mươi bốn) đến 30 (ba mươi) tháng tù; Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự, Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu tiêu hủy số ma túy đã thu và các vật chứng liên quan; phạt bổ sung, phạt tiền đối với bị cáo từ 1 đến 2 triệu đồng; Trả lại cho bị cáo 01 điện thoại di động và 1.200.000đ.

Lời nói sau cùng, bị cáo thừa nhận bản cáo trạng truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ vào các tài liệu và chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, lời khai của bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Quỳnh Nhai, Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Nhai, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận của bị cáo tại phiên Tòa về thời gian, địa điểm và diễn biến sự việc phù hợp với các căn cứ khác như: Biên bản bắt người phạm tội quả tang và vật chứng thu giữ, Kết luận giám định “*Tổng trọng lượng chất thu giữ được của S là 0,25 gam là chất ma túy; Loại chất Heroine*”. Như vậy, có đủ căn cứ kết luận: Bị cáo Cầm Văn S đã mua, cất giữ 0,25 gam chất ma túy, loại chất Heroine mục đích để sử dụng và bán kiếm lời - bị cáo đã phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự.

Xét thấy: Hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng, đã xâm phạm chế độ quản lý các chất ma túy của Nhà nước, xâm phạm trật tự an toàn xã hội, làm ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an ở địa phương. Bị cáo là người đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc mua, sử dụng, bán chất ma túy là vi phạm pháp luật. Nhưng vì nhu cầu sử dụng của bản thân và vì vụ lợi, bị cáo cố tình thực hiện hành vi phạm tội. Do vậy, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do đó, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Hội đồng xét xử nhận thấy, cần có mức hình phạt tù tương xứng với tính chất hành vi phạm tội, trọng lượng ma túy thu giữ của bị cáo; xem xét đến nhân thân, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo - Để cải tạo, giáo dục bị cáo thành người có ích cho xã hội, có ý thức tuân theo pháp luật và thực hiện nhiệm vụ đấu tranh phòng, chống tội phạm về ma túy ở địa phương.

Về hình phạt bổ sung - phạt tiền theo quy định tại Khoản 5 Điều 194 Bộ luật hình sự: Xét thấy, hoàn cảnh kinh tế gia đình bị cáo khó khăn, không có tài sản giá trị lớn, thu nhập chính của bị cáo từ lao động làm thuê, bị cáo có 1.200.000đ và 01 điện thoại di động nhãn hiệu ITEL bị Công an tạm giữ, là tiền và tài sản của bị cáo, không liên quan đến tội phạm nên trả lại cho bị cáo. Nhưng cần áp dụng hình phạt bổ sung - phạt tiền đối với bị cáo với mức phạt phù hợp với điều kiện kinh tế, tài sản của bị cáo.

[3] Về vật chứng vụ án:

- Heroine thu giữ của Cầm Văn S có trọng lượng là 0,25 gam, là vật cấm lưu hành phải tịch thu, tiêu hủy - cơ quan Điều tra lấy toàn bộ 0,25 gam làm mẫu gửi giám định, đã sử dụng hết trong quá trình giám định;

- 01 lọ nhựa, 07 mảnh giấy màu trắng và phong bì bóc mở niêm phong là vật chứng vụ án, không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy theo quy định tại điểm đ khoản 2 điều 76 bộ luật Tố tụng hình sự.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Cầm Văn S phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

- Áp dụng Khoản 1 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Cầm Văn S 27 (*hai mươi bảy*) tháng tù; Thời hạn tù tính từ ngày 25/7/2017.

- Áp dụng Khoản 5 Điều 194; khoản 2, 3 Điều 30 của Bộ luật hình sự: Phạt bổ sung - phạt tiền đối với Cầm Văn S 1.200.000 đ (*Một triệu, hai trăm nghìn đồng*) để sung công quỹ Nhà nước.

2. Về vật chứng vụ án: Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự

* Tịch thu tiêu hủy: 01 (Một) phong bì còn nguyên niêm phong bên trong đựng vật chứng gồm: 01 chiếc phong bì đã bị bóc mở niêm phong, 01 lọ nhựa có nắp đậy màu hồng, 07 mảnh giấy màu trắng có dòng kẻ không rõ kích thước, hình dạng.

* Trả cho bị cáo Cầm Văn S 01 chiếc điện thoại di động trên thân điện thoại có ghi chữ “itel”, vỏ mặt trước điện thoại màu đen, điện thoại đã qua sử dụng “đã được niêm phong” và 1.200.000đ (*Một triệu hai trăm nghìn đồng*).

(Theo biên bản giao nhận vật chứng số 03/2018 ngày 19/10/2017 giữa Công an và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Nhai và biên lai thu tiền số: AB/2010/001506 ngày 19/10/2017)

3. Về án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án - buộc bị cáo Cẩm Văn S phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đ (*Hai trăm nghìn đồng*).

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án là ngày 14/11/2017./.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- VKSND huyện
- Công an (02);
- Trại giam ;
- CCTHA Dân sự;
- THA hình sự ;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Quản Hữu Chiến

Hội thẩm nhân dân Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa Hội thẩm nhân dân

Lữ Văn Hùng

Quản Hữu Chiến

Đieu Chính Vĩnh

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 27-HS:

Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo bản hướng dẫn này được soạn thảo theo tinh thần quy định tại các điều 254, 260 và 423 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo hướng dẫn này được sử dụng cho tất cả các Tòa án khi xét xử sơ thẩm vụ án hình sự. Sau đây là những hướng dẫn cụ thể về việc sử dụng mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo:

(1) và (4) nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì ghi tên Tòa án nhân dân quận (huyện, thị xã, thành phố) gì thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi tên Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án quân sự khu vực thì ghi tên Tòa án quân sự khu vực gì thuộc quân khu, quân chủng nào; nếu là Tòa án quân sự quân khu, quân chủng thì ghi tên Tòa án quân sự quân khu, quân chủng (ví dụ: Tòa án quân sự Quân khu Thủ đô).

(2) ô thứ nhất ghi số Bản án, ô thứ hai ghi năm ra Bản án (ví dụ: 16/2017/HS-ST).

(3) ghi ngày, tháng, năm tuyên án không phân biệt vụ án được xét xử sơ thẩm và kết thúc trong một ngày hay được xét xử sơ thẩm trong nhiều ngày hoặc nghị án kéo dài.

(5) nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm ba người, thì chỉ ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, bỏ dòng Thẩm phán..., đối với Hội thẩm nhân dân (quân nhân) chỉ ghi đầy đủ họ tên của hai Hội thẩm nhân dân (quân nhân); nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có năm người, thì ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, họ tên của Thẩm phán, họ tên của cả ba Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Cần chú ý không ghi chức vụ của Thẩm phán; đối với vụ án hình sự thông thường thì không ghi chức vụ, nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân); đối với vụ án hình sự có bị cáo là người dưới 18 tuổi thì ghi nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Nếu vụ án do Tòa án quân sự giải quyết thì không ghi Ông (Bà) mà ghi cấp bậc quân hàm.

(6) ghi đầy đủ họ tên của Thư ký phiên tòa và ghi rõ là Thư ký Tòa án hoặc Thẩm tra viên của Tòa án nào như hướng dẫn tại điểm (1).

(7) ghi tên Viện kiểm sát như hướng dẫn tại (1); ghi họ tên Kiểm sát viên thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa.

(8) trường hợp vụ án được xét xử và kết thúc trong một ngày thì bỏ hai chữ Trong các (ví dụ: Ngày 15 tháng 7 năm 2017). Trường hợp vụ án được xét xử trong hai ngày thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 02, 03 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà liền nhau thì ghi Từ ngày đến ngày (ví dụ: Từ ngày 06 đến ngày 10 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà không liền nhau thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 07, 08 và ngày 15 tháng 3 năm 2017); nếu khác tháng mà liền nhau thì ghi từ ngày... tháng... đến ngày... tháng... (ví dụ: Từ ngày 31 tháng 05 đến ngày 02 tháng 6 năm 2017); nếu không liền nhau thì ghi các ngày của từng tháng (Ví dụ: Trong các ngày 30, 31 tháng 3 và các ngày 04, 05 tháng 4 năm 2017).

(9) nếu vụ án được xét xử tại trụ sở Tòa án thì ghi như hướng dẫn tại mục (1) (4). Nếu vụ án được xét xử lưu động thì ghi địa điểm nơi diễn ra phiên tòa.

(10) nếu xét xử kín thì thay cụm từ công khai bằng từ kín.

(11) và (12) ghi đầy đủ họ tên bị cáo và các bí danh, tên thường gọi khác (nếu có); nếu bị cáo là người dưới 18 tuổi phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh tính đến ngày bị cáo thực hiện hành vi phạm tội (ví dụ: Đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 16 tuổi 8 tháng 15 ngày); nếu bị cáo trên 18 tuổi thì ghi ngày, tháng, năm sinh hoặc tuổi; ghi nơi đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú, nơi sinh sống của bị cáo. Đối với tiền sự thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị xử lý đó tính đến ngày phạm tội chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý hành chính hoặc bị xử lý kỷ luật. Đối với tiền án thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị kết án đó tính đến ngày phạm tội chưa được xoá án. Về nhân thân ghi án tích, đã bị

xử phạt vi phạm hành chính, đã xử lý kỷ luật cụ thể các lần đó và ghi rõ là các án tích, xử phạt vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật đó đã được xoá. Trường hợp bị cáo là pháp nhân thương mại thì ghi tên, địa chỉ trụ sở, tên người đại diện theo pháp luật, tiền án, tiền sự của pháp nhân thương mại và các thông tin cần thiết khác; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(13) ghi ngày bị cáo bị bắt, tạm giam; nếu trước đó bị cáo đã bị tạm giữ, bị bắt, tạm giam, thì ghi ngày bị tạm giữ, ngày bị bắt, tạm giam và ngày được cho tại ngoại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(14) và (15) nếu bị cáo có người đại diện hợp pháp thì ghi rõ họ tên của bị cáo đó (ví dụ: Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Văn A). Sau chữ là ghi quan hệ như thế nào với bị cáo (ví dụ: là bố của bị cáo); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(16) nếu có người bào chữa thì ghi đầy đủ họ tên của người bào chữa và họ tên của bị cáo được bào chữa; nếu người bào chữa là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào (ví dụ: Ông Trần B, Luật sư Văn phòng luật sư Vạn Xuân thuộc Đoàn luật sư tỉnh H bào chữa cho Nguyễn Văn C); nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bào chữa (ví dụ: Bà Lê Thị M, bào chữa viên nhân dân công tác tại Hội luật gia tỉnh M bào chữa cho Nguyễn Văn D); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(17), (18), (19), (20), (21), (22), (23) và (24) nếu có người nào tham gia tố tụng thì ghi đầy đủ họ tên, tuổi, nơi cư trú của người đó. Trường hợp bị hại là người bị xâm phạm về tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự và là người dưới 18 tuổi, thì phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh của bị hại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(25) nếu bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có người bảo vệ quyền lợi cho họ, thì ghi đầy đủ họ tên của họ theo thứ tự; nếu người bảo vệ quyền lợi của đương sự là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào; nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bảo vệ quyền lợi cho đương sự; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi có mặt và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi vắng mặt.

(26) nếu có người tham gia tố tụng là người làm chứng thì ghi đầy đủ họ tên; nếu người tham gia tố tụng là người giám định, người định giá tài sản, người phiên dịch, người dịch thuật thì ghi đầy đủ họ tên, cơ quan công tác.

(27) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(28) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại các điểm d, đ và e khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].

(29) tùy từng trường hợp mà ghi rõ căn cứ pháp luật để ra quyết định.

(30) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(31) phần cuối cùng của bản án, đối với bản án được thông qua tại phòng nghị án thì phải có đầy đủ chữ ký, ghi đầy đủ họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử và đóng dấu (bản án này phải lưu vào hồ sơ vụ án); đối với bản án để gửi cho các bị cáo, các đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan và Viện kiểm sát theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự thì ghi như sau:

Nơi nhận:

Ghi những nơi mà Tòa án cấp sơ thẩm phải giao hoặc gửi bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 262 của Bộ luật Tố tụng hình sự và những nơi cần lưu bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)